

VỀ MỘT NGỘ NHẬN
LIÊN QUAN ĐẾN “TỨ BẤT TỬ”:
SOẠN GIẢ THANH HÒA TỬ VÀ CUỐN *HỘI CHÂN BIÊN*
(Phần 1)

Tóm tắt: Bài viết này, từ việc đối sánh văn bản viết liên quan đến các đấng bất tử được phụng thờ trước nay trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam, trung tâm là cuốn “*Hội Chân Biên*” bằng Hán văn được hoàn thành vào khoảng giữa thế kỷ XIX và một số công trình phái sinh từ nó được viết bằng tiếng Pháp và tiếng Việt sau này, đi đến nhận định rằng, đã có một sự ngộ nhận, hơn thế đó là sự ngộ nhận dây chuyền, trong học giới nói chung và chuyên ngành văn hóa dân gian nói riêng, về Tứ Bất Tử (bốn vị bất tử) trong mối quan hệ của nó với cuốn “*Hội Chân Biên*”.

Từ khóa: Tứ Bất Tử, Thanh Hòa Tử, Hội Chân Biên.

1. Dẫn nhập

Trong nhiều năm qua, *Hội Chân Biên* thường được xem là cuốn sách cổ có hai nội dung: một là, đưa ra danh sách 27 vị thần sinh ra hay đã từng sinh sống trên đất nước Việt Nam; hai là, từ trong số ấy nêu ra bốn vị được suy tôn là Tứ Bất Tử (gồm Đức Thánh Tản, Chử Đạo Tổ, Đức Thánh Gióng, Đức Thánh Mẫu Liễu Hạnh). Nhưng thực ra, không phải như vậy, cuốn *Hội Chân Biên* không đủ hai nội dung đó. Chúng ta đã vô ý gán cho cuốn *Hội Chân Biên* chứa đựng nội dung thứ hai, rồi theo đó, lâu nay thường dẫn trực tiếp hay gián tiếp cuốn sách này mỗi khi nói về Tứ Bất Tử.

Nói cách khác, cuốn *Hội Chân Biên* không hề đưa ra, thậm chí không một lần nhắc đến cái gọi là Tứ Bất Tử như chúng ta đã nhầm lẫn dây chuyền trong nhiều năm qua. Cuốn sách này chỉ “cung cấp cho chúng ta bản danh sách các vị bất tử của Việt Nam” đúng như giới thiệu của Nguyễn Văn Huyền vào năm 1944. Tuy nhiên, số lượng 27 vị bất tử

*. ThS., Viện Nghiên cứu Văn hóa, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

(gồm 13 vị nam và 14 vị nữ), hoặc năm xuất bản cuốn *Hội Chân Biên* là 1847, như giới thiệu của Nguyễn Văn Huyền đã thỏa đáng hay chưa cũng là những vấn đề cần thảo luận⁽¹⁾.

Ngộ nhận về cuốn *Hội Chân Biên* trong nhiều năm qua, như đã đề cập, là ngộ nhận dây chuyền và người viết bài này cũng không nằm ngoài vòng lan tỏa của nó. Bởi vậy, trước hết, bài viết sẽ đính chính cho nhận thức của chính chúng tôi về cuốn *Hội Chân Biên* trong mối quan hệ với Tứ Bất Tử. Đó là sự tự phản tỉnh về một chú thích trong bài viết công bố mới đây của chúng tôi⁽²⁾.

Ở hướng khai triển rộng hơn, về mặt phương pháp luận, chúng tôi sẽ không xem cuốn *Hội Chân Biên* hay các tài liệu nghiên cứu trước mình, nhất là các nghiên cứu thuộc chuyên ngành văn hóa dân gian về Tứ Bất Tử, như những văn bản theo cách thông thường, mà muốn *đọc lại* (rereading) chúng như là text thuộc loại hình *dân tộc chí* (monograph). Chúng tôi sẽ thử nghiệm cách *đọc lại* mà Clifford Geertz sử dụng đối những tác phẩm kinh điển, cũng tức là các dân tộc chí được đọc rộng rãi nhất trong ngành nhân loại học văn hóa (như Malinowski hay Levi - Strauss). Tức là, chúng tôi quan tâm đến việc “nhà nhân loại học viết [dân tộc chí] như thế nào”, hay dân tộc chí đã được làm ra như thế nào, hơn là việc chỉ đọc nội dung của bản thân dân tộc chí.

1. Nhận thức lại về mối quan hệ giữa cuốn *Hội Chân Biên* và sự hình thành thuật ngữ “Tứ Bất Tử” ở Việt Nam

Như đã nói, trong một bài viết công bố gần đây, chúng tôi nhận thức chưa đúng về mối liên hệ giữa cuốn *Hội Chân Biên* và Tứ Bất Tử. Cụ thể, trong đoạn đầu tiên thuộc chú thích số 39 của bài đó, chúng tôi đã viết: “Chuyên luận đầu tiên của ngành văn hóa dân gian Việt Nam về Tứ Bất Tử là cuốn sách viết chung của hai tác giả Vũ Ngọc Khánh và Ngô Đức Thịnh xuất bản năm 1990. Trong sách đó, dựa vào cuốn *Hội Chân Biên* (in vào năm Thiệu Trị 7, tức 1847) của Thanh Hòa Tử, hai ông đã đưa ra hệ thống Tứ Bất Tử gồm: Đức Thánh Tản, Chử Đạo Tổ, Đức Thánh Gióng, Đức Thánh Mẫu Liễu Hạnh. Hệ thống Tứ Bất Tử do hai ông đưa ra (thực chất là của Thanh Hòa Tử) là hệ thống đã mang tính cố định và phổ biến trong dân gian (...)”⁽³⁾.

Hai lần nhắc đến Thanh Hòa Tử trong một đoạn ngắn, nhất là lần thứ hai để trong ngoặc đơn, cho thấy rằng, khi đó, chúng tôi hoàn toàn tin vào

việc Thanh Hòa Tử đã thực sự đưa ra bộ Tứ Bất Tử trong cuốn *Hội Chân Biên* của ông (tạm thời, chúng tôi xem Thanh Hòa Tử là nam giới).

Khi viết đoạn trên, như nhiều người từng viết về Tứ Bất Tử trước đây, chúng tôi chủ yếu tham khảo đoạn viết sau đây của hai tác giả Vũ Ngọc Khánh và Ngô Đức Thịnh trong cuốn *Tứ Bất Tử* xuất bản năm 1990 (từ đây viết tắt là *Tứ Bất Tử - 1990*). Để tránh gây nhầm lẫn, chúng tôi tạm gọi đoạn trích dẫn này là “Đoạn trích dẫn cơ bản năm 1990”: “Theo cuốn “*Hội Chân Biên*” của Thanh Hòa Tử, in vào năm thứ 7 đời Thiệu Trị (1847), thì Việt Nam ta có 27 vị thần sinh ra hay đã từng sinh sống trên đất nước ta, trong đó có hơn một nửa là các Nữ thần (14 vị). Và cũng là sự lựa chọn tài tình của dân gian, trong các vị thần linh ấy, có bốn vị được suy tôn là Tứ Bất Tử (Bốn vị Thánh bất tử): Đức Thánh Tản, Chử Đạo Tổ, Đức Thánh Gióng, Đức Thánh Mẫu Liễu Hạnh.

Trong tâm thức dân gian, đó là biểu tượng của sự trường tồn, bất diệt của dân tộc ta, đất nước ta từ thuở hồng hoang cho tới tận ngày nay⁽⁴⁾.

Cuốn *Tứ Bất Tử - 1990* ngay sau khi ra đời đã mau chóng có một vị thế đặc biệt trong lĩnh vực nghiên cứu tín ngưỡng dân gian Việt Nam. Hầu như các nghiên cứu sau đó về Tứ Bất Tử hoặc về một vị nào đó thuộc Tứ Bất Tử (thuộc chuyên ngành văn hóa dân gian hay các ngành lân cận, không chỉ nhà nghiên cứu Việt Nam mà còn cả nhà nghiên cứu nước ngoài) đều trích dẫn sách ấy, và đoạn mà chúng tôi trích ở trên (tức “Đoạn trích dẫn cơ bản năm 1990”) có lẽ được trực tiếp hay gián tiếp dẫn nhiều nhất.

Điều đặc biệt lưu ý là, như sẽ dẫn giải ở dưới đây, phần lớn người trích dẫn “Đoạn trích dẫn cơ bản năm 1990” đều đọc ra từ nó một nội dung thông tin đại cương liên quan đến cuốn *Hội Chân Biên* như sau:

- 1/ *Hội Chân Biên* là sách do Thanh Hòa Tử biên soạn;
- 2/ *Hội Chân Biên* được in vào năm thứ 7 đời vua Thiệu Trị (1847);
- 3/ *Hội Chân Biên* đưa ra danh sách gồm 27 vị thần đã từng sinh ra hay sinh sống trên đất nước Việt Nam, trong đó có 14 vị là nữ thần;
- 4/ *Hội Chân Biên* đã chọn ra Tứ Bất Tử gồm 4 vị từ trong số 27 vị thần.

Gần đây, khi tiến hành khảo sát nguyên bản cuốn *Hội Chân Biên* và những tài liệu liên quan, chúng tôi thấy tất cả thông tin nêu trên đều thiếu

hoặc không chính xác (tạm gọi là *ngộ nhận*) cho rằng, *Hội Chân Biên* là cuốn sách đã đưa ra bộ Tứ Bất Tử.

Sự ngộ nhận, hay vô tình tạo ra ngộ nhận, của hai tác giả Vũ Ngọc Khánh và Ngô Đức Thịnh⁽⁵⁾ ở cuốn *Tứ Bất Tử - 1990* của hai ông, và của riêng mỗi tác giả ở nhiều cuốn sách khác, đã lan truyền sang những nhà nghiên cứu đi sau. Bởi vậy, cho đến nay, nó mặc nhiên trở thành một kiến thức chung của toàn ngành nghiên cứu văn hóa dân gian.

2. Sự triển nở của thuật ngữ “Tứ Bất Tử” trong giới nghiên cứu và trong dân gian từ sau Đổi mới

Cần khẳng định lại rằng, cuốn *Tứ Bất Tử - 1990* đã đánh dấu một bước trưởng thành quan trọng của chuyên ngành văn hóa dân gian còn trẻ tuổi ở thời điểm đó trong việc “tìm hiểu lịch sử tư tưởng Việt Nam”⁽⁶⁾. Cùng với một số cuốn xuất bản sau đó, nó góp phần “khiến cho trong nhiều thập kỷ, Viện Nghiên cứu Văn hóa Dân gian trở thành một trong các trung tâm nghiên cứu có uy tín về tín ngưỡng các dân tộc ở Việt Nam”⁽⁷⁾. Đồng thời với công hiến về mặt học thuật, cuốn sách này còn góp phần đáp ứng đòi hỏi về mặt tâm linh của xã hội bình dân sau Đổi mới đang trong “phong trào phát huy lễ hội truyền thống, tôn tạo di tích”⁽⁸⁾; giúp họ tìm hiểu về “những bí ẩn của cõi tâm linh - vốn có gốc rễ từ xa xưa - được người ta lại lao công tìm kiếm”⁽⁹⁾. Chính nhờ sự thành công như vậy, cuốn sách đã được đọc và trích dẫn một cách rộng rãi, và có thể xem nó như là một yếu nhân làm triển nở thuật ngữ Tứ Bất Tử trong học giới và trong dân gian từ sau Đổi mới.

Nói riêng về “Đoạn trích dẫn cơ bản năm 1990”, qua tìm hiểu sơ bộ, chúng tôi thấy, nó được nhiều công trình nghiên cứu, biên khảo (sách, bài tạp chí, bài báo, tư liệu trên một số website danh tiếng) trích dẫn, mà tạm thời chỉ đề cập đến một số tác giả như: Bùi Hạnh Cẩn (1993), Bùi Thiết (1994), Nguyễn Minh San (1994), Phạm Kế (1996), Đỗ Lan Phương (1998, 2001 và 2004), Mặc Giao và Trần Tri Khách (tư liệu mạng). Ngay chính hai tác giả Vũ Ngọc Khánh và Ngô Đức Thịnh cũng nhiều lần sử dụng lại “Đoạn trích dẫn cơ bản 1990” trong các công trình riêng hay tập thể.

2.1. Việc chính các tác giả “Tứ Bất tử - 1990” trích dẫn lại “Đoạn trích dẫn cơ bản năm 1990”

Trước hết, xin dẫn một số lần sử dụng lại “Đoạn trích dẫn cơ bản năm 1990” của chính hai tác giả Vũ Ngọc Khánh và Ngô Đức Thịnh trong

phạm vi tư liệu mà chúng tôi tiếp cận được, để làm rõ thêm nội dung của “Đoạn trích dẫn cơ bản năm 1990”.

Về tác giả Vũ Ngọc Khánh

Năm 1994, trong cuốn *Tín ngưỡng làng xã*, ông viết về Tứ Bất Tử như sau: “Trải qua mấy ngàn năm lịch sử, trong dân gian Việt Nam đã sản sinh và tồn tại những vị thần linh thuần gốc Việt. Hai mươi bảy vị tất cả (theo bản *Hội Chân Biên* 1847 của Thanh Hòa Tử, chắc là chưa đầy đủ), mà tiêu biểu nhất là bốn vị, được tôn là Tứ Bất Tử, bốn vị trường tồn. Họ được trường tồn, bất diệt cùng với sự trường tồn, bất diệt của dân tộc.

Đứng đầu Tứ Bất Tử là Thánh Tản Viên... Vị thánh bất tử thứ hai là Thánh Gióng... Một vị bất tử nữa là Chử Đồng Tử... Vị thánh thứ tư là Công chúa Liễu Hạnh...”⁽¹⁰⁾.

Về cơ bản, nội dung đoạn trích dẫn này tương tự với “Đoạn trích dẫn cơ bản năm 1990”, tức là vẫn đề cập đến cuốn *Hội Chân Biên* được in năm 1847 của Thanh Hòa Tử, nói về 27 vị thần linh thuần gốc Việt, và bốn vị trong số đó được tôn là Tứ Bất Tử; duy thứ tự trước sau của Tứ Bất Tử có thay đổi (Thánh Gióng và Chử Đồng Tử đổi chỗ cho nhau).

Sang năm 1995, trong cuốn *Từ vựng thuật ngữ Folklore Việt Nam*, có thể nhờ tiếp thu kết quả nghiên cứu mới công bố ở thời điểm đó của các nhà nghiên cứu khác về Tứ Bất Tử, nên ông đề cập đến Từ Đạo Hạnh khi viết về Tứ Bất Tử: “Không biết từ bao giờ đã hình thành nên tín ngưỡng Tứ Bất Tử. Dân ta cho đất nước có bốn người không chết là Tản Viên, Thánh Gióng, Chử Đồng Tử và Liễu Hạnh. Tứ Bất Tử không có điện thờ riêng, nhưng rất được ngưỡng mộ trong nhân dân, nhất là giới nho sĩ. Bốn vị thần này là biểu tượng xứng đáng sự trường tồn của đất nước. Cũng có người xếp Từ Đạo Hạnh vào Tứ Bất Tử”⁽¹¹⁾.

Ở đoạn này, không thấy tác giả dẫn cuốn *Hội Chân Biên*. Thế nhưng, vẫn trong sách đó, ở đoạn nói về Chử Đồng Tử, chúng ta lại thấy có bóng dáng của cuốn *Hội Chân Biên* và Thanh Hòa Tử. Bởi vì, chỉ đến cuốn *Hội Chân Biên* thì Chử Đồng Tử mới được xếp lên ngôi đầu tiên để thành Chử Đạo Tổ (sau này Nguyễn Văn Huyền cũng theo cuốn *Hội Chân Biên*): “Chử Đồng Tử (...). Ông bà mở đầu cho đạo Tiên ở Việt Nam, nên được tôn là Chử Đạo Tổ. Ông cũng là một trong bốn vị Tứ Bất Tử (bốn người không chết là Tản Viên, Thánh Gióng, Liễu Hạnh và Chử Đồng Tử)”⁽¹²⁾.

Tất nhiên, như diễn giải ở những phần sau, không chỉ ở một đoạn vừa dẫn mà ở tất cả các đoạn trích từ đây, chúng ta chỉ thấy bóng dáng của cuốn *Hội Chân Biên* một cách mờ mờ. Bởi vì, rất có thể nhóm tác giả Vũ Ngọc Khánh chưa đọc cuốn *Hội Chân Biên* một cách trực tiếp. Có lẽ các ông chỉ sử dụng gián tiếp nó qua cuốn sách của Nguyễn Văn Huyền viết bằng tiếng Pháp in năm 1944 mà thôi.

Về tác giả Ngô Đức Thịnh

Năm 1996, trong lần xuất bản đầu, và năm 2002, trong lần tái bản cuốn *Đạo Mẫu ở Việt Nam*⁽¹³⁾ do Ngô Đức Thịnh làm chủ biên đều ghi tên sách *Hội Chân Biên* và soạn giả Thanh Hòa Tử vào phần thư mục ở cuối sách với nội dung: “Thanh Hòa Tử, *Hội Chân Biên*, Sách chữ Hán, xb 1847”⁽¹⁴⁾. Vậy phải chăng ông đã tiếp cận trực tiếp với nguyên bản sách *Hội Chân Biên*?

Câu trả lời phỏng đoán của chúng tôi là, cũng như tác giả Vũ Ngọc Khánh, rất có thể ông chưa đọc trực tiếp sách ấy. Thêm nữa, so với tác giả Vũ Ngọc Khánh, chúng ta khó khăn hơn trong việc nắm bắt nhận thức của tác giả Ngô Đức Thịnh về mối quan hệ giữa cuốn *Hội Chân Biên* và Tứ Bất Tử. Bởi chỗ, nếu chỉ căn cứ vào văn bản, chúng ta thấy, ông có quan điểm không mấy sáng rõ về “mối quan hệ tay ba” giữa cuốn *Hội Chân Biên* của Thanh Hòa Tử với cuốn sách của Nguyễn Văn Huyền in năm 1944 và cuốn *Tứ Bất Tử - 1990*. Chúng ta chưa biết được nhận thức của ông thuộc hướng nào trong hai hướng sau: Thanh Hòa Tử đã đưa ra bộ Tứ Bất Tử trong cuốn *Hội Chân Biên*, hay Nguyễn Văn Huyền đã đưa ra bộ Tứ Bất Tử trong cuốn sách in năm 1944? Điều khó khăn này có thể thấy được nếu chúng ta thử đọc gộp hai đoạn ở hai chỗ cách xa nhau sau đây trong cùng cuốn *Đạo Mẫu ở Việt Nam* (xin đặc biệt chú ý đến chú thích chỉ dẫn tài liệu tham khảo của mỗi đoạn).

Đoạn 1: “Người xưa cũng đã từng tập hợp các vị Tiên có nguồn gốc thuần Việt, thì trong tổng số 27 vị đã có 14 là Tiên Nữ” (có chú thích đặt vào chữ “Tiên Nữ” như sau: “Thanh Hòa Tử, *Hội Chân Biên*, sách chữ Hán, xuất bản 1847 (năm bầy Thiệu Trị)”⁽¹⁵⁾).

Đoạn 2: “... vị thần chủ của đạo Mẫu là Liễu Hạnh đồng thời cũng là một vị Tiên tiêu biểu của Việt Nam... Ta có thể nói tới mối quan hệ giữa đạo Mẫu và *tục thờ Tứ Bất Tử* của nước ta, trong đó vị thần chủ đạo Mẫu đồng thời lại là một trong bốn vị Thánh Bất Tử” (có chú thích đặt vào

chữ “Thánh Bất Tử” như sau: “Xem thêm: Nguyễn Văn Huyền. H., *Le Culte des Immortelles en Annam*. 1944; Vũ Ngọc Khánh, Ngô Đức Thịnh. *Tứ Bất Tử*. H. Nxb VHDT. 1991”⁽¹⁶⁾.

Đến năm 2001, trong cuốn *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*, đoạn 1 và đoạn 2 trên đây về cơ bản được sử dụng lại, nhưng sai về chi tiết so với bản in trước đó (có lẽ đơn giản là lỗi đánh máy: 14 vị thần nữ chuyển thành 17 vị thần nữ, cuốn sách của Nguyễn Văn Huyền in năm 1944 thành năm 1994), nhưng ở đoạn 1 thì tên sách *Hội Chân Biên* cùng tên tác giả Thanh Hòa Tử đã xuất hiện trong chính văn mà không còn nằm ở chú thích. Cụ thể:

Đoạn 1: “Hãy lấy cuốn sách cổ “Hội Chân Biên”, in năm 1847 đời Thiệu Trị, do Thanh Hòa Tử tập hợp, thì trong 27 vị thần tiên có nguồn gốc thuần Việt, đã có 17 là Tiên nữ”⁽¹⁷⁾.

Đoạn 2: “... vị thần chủ của đạo Mẫu là Liễu Hạnh đồng thời cũng là một vị Tiên tiêu biểu của Việt Nam... Ta có thể nói tới mối quan hệ giữa đạo Mẫu và *tục thờ Tứ Bất Tử* của nước ta, trong đó vị thần chủ đạo Mẫu đồng thời lại là một trong bốn vị Thánh Bất Tử” (có chú thích đặt vào chữ “Thánh Bất Tử” như sau: “Xem thêm: Nguyễn Văn Huyền. H., *Le Culte des Immortelles en Annam*. 1994; Vũ Ngọc Khánh, Ngô Đức Thịnh. *Tứ Bất Tử*. Nxb. Văn hóa Dân tộc, H., 1991”)⁽¹⁸⁾.

Đến năm 2007, trong cuốn *Về tín ngưỡng và lễ hội cổ truyền*, và năm 2008, trong cuốn *Lên đồng: Hành trình của thần linh và thân phận*, nội dung đoạn 1 và đoạn 2 về cơ bản không thay đổi⁽¹⁹⁾.

Trên đây, chúng tôi đề cập đến vấn đề cuốn sách của Nguyễn Văn Huyền in năm 1944 đã đứng ở vị trí trung gian giữa cuốn *Hội Chân Biên* và cuốn *Tứ Bất Tử - 1990*. Liên quan đến vấn đề này, tác giả Ngô Đức Thịnh đã viết trong một bài tổng quan về các công trình nghiên cứu tín ngưỡng dân gian của Nguyễn Văn Huyền như sau: “Đối với lớp người nghiên cứu hậu sinh, các công trình của GS. Nguyễn Văn Huyền không chỉ là nguồn tư liệu lịch sử quý giá, mà còn là sự *khuyến khích, gợi mở*. Sau khi đọc sách “Việc thờ phụng các thần bất tử ở Việt Nam” của ông, chúng tôi mạnh dạn hơn trong nghiên cứu tín ngưỡng Tứ Bất Tử như là sự thể hiện tâm thức dân gian Việt Nam, ý thức nguyên sơ của dân tộc Việt Nam” (có một chú thích đặt vào sau chữ “Việt Nam” như sau: Vũ Ngọc Khánh, Ngô Đức Thịnh. *Tứ Bất Tử*, Nxb. VHDT, H., 1991)⁽²⁰⁾.

Dù đã mừng trọng được vai trò trung gian của cuốn sách Nguyễn Văn Huyền in năm 1944 trong việc hình thành quan niệm Tứ Bất Tử của hai tác giả Vũ Ngọc Khánh và Ngô Đức Thịnh, nhưng như đã nói, đến đây, chúng ta vẫn chưa thực sự nắm bắt được rõ ràng con đường hình thành nên quan niệm của hai ông, nhất là tác giả Ngô Đức Thịnh, qua chính lời tự sự về con đường ấy của họ. Chẳng hạn, ở một phương diện, các ông cho việc các vị thần như Tản Viên hay Chử Đồng Tử vươ đến hàng Tứ Bất Tử một cách tự thân (sự linh thiêng tự thân dẫn đến chỗ được thờ phụng một cách tự nhiên), như sau: “Tản Viên là vị Thánh, Thần được thờ phụng khá phổ biến trong tín ngưỡng dân dã người Việt và người Mường (...). Ông lại là một vị *Thánh* - Thánh Tản Viên, thờ phụng ở các đền của hệ thống *Đạo giáo* bản địa của người Việt, thậm chí vươ tới là một trong *Tứ Bất Tử* của điện thần Việt tộc”⁽²¹⁾.

Thế nhưng, ở một phương diện khác, hai ông lại cho rằng, các vị thần đó được “lựa chọn” vào hàng Tứ Bất Tử, tức không còn phải là sự “vươ tới” mang tính tự thân nữa. Thêm nữa, riêng về sự “lựa chọn” của các vị thần này được các ông xem là do “sự lựa chọn tài tình của dân gian” (như trong “Đoạn trích dẫn cơ bản năm 1990”), có khi lại cho rằng, đó là sự lựa chọn “hợp lý” của chính các ông như ở trong đoạn trích dẫn sau: “Cho đến nay, người ta vẫn chưa rõ quan niệm và tên gọi “Tứ Bất Tử” có từ bao giờ và do ai đặt ra, tuy nhiên, muộn nhất tới thế kỷ XVIII thì đã có quan niệm này. Ngay trong con số bốn vị thánh bất tử ấy cũng chưa thật thống nhất. Thánh Tản Viên và Chử Đạo Tổ được người ta kể đến nhiều trong số bốn vị thần bất tử, còn hai vị nữa thì người cho là Thánh Gióng và Liễu Hạnh, người cho là Đức Thánh Trần, Từ Đạo Hạnh (...). Nếu cho rằng “Tứ Bất Tử” là một hệ thống biểu tượng của tâm thức dân tộc thì việc “lựa chọn” bốn vị Thánh bất tử: Thánh Tản Viên, Chử Đạo Tổ, Thánh Gióng và Mẫu Liễu Hạnh như trong cuốn sách “Tứ Bất Tử” của chúng tôi là “hợp lý” hơn”⁽²²⁾.

Qua đoạn trích trên, chúng ta có thể gián tiếp đọc được một thông tin ở ngoài lời như sau: Đây là một lời tự đánh giá của các tác giả về sự đón nhận của bạn đọc đối với cuốn *Tứ Bất Tử - 1990* trong 10 năm tính từ khi nó ra đời. Phải chăng, đến thời điểm năm 2000, các tác giả của cuốn sách tự thấy lựa chọn của mình là “hợp lý” hơn cả. Bởi vì, trong 10 năm qua, đông đảo bạn đọc đã chấp nhận sự lựa chọn ấy, rồi nhiều nhà nghiên cứu/ biên khảo sau này đã nhân giống sự lựa chọn ấy lên. Điều này có thể thấy

được qua giới thiệu sơ lược của chúng tôi ở dưới đây về việc “Đoạn trích dẫn cơ bản năm 1990” đã được sử dụng lại như thế nào trong các nghiên cứu/ biên khảo sau cuốn *Tứ Bất Tử - 1990*.

2.2. Việc các tác giả khác sử dụng lại “Đoạn trích dẫn cơ bản năm 1990”

Năm 1993, thể hiện “tấm lòng thành kính đối với quê hương và tổ tiên dòng họ Trần Lê” của “người cùng quê hương Thiên Bản, là cháu 17 đời của Mẫu Liễu Hạnh”⁽²³⁾, hai tác giả Bùi Hạnh Cần và Lê Trần cho ra mắt cuốn *Chợ Viêng và Hội Phủ*. Đây là một cuốn sách được dẫn nhiều trong các nghiên cứu sau đó về Mẫu Liễu. Trong phần tài liệu tham khảo của sách này có thấy cuốn *Hội Chân Biên*, nhưng chỉ có tên sách và tên tác giả: “Hội Chân Biên, Thanh Hòa Tử”. Đặc biệt, trong sách này, “Đoạn trích dẫn cơ bản năm 1990” được tái sử dụng như sau: “Sách *Hội Chân Biên*, in bản gỗ xuất bản thời Nguyễn Thiệu Trị những năm 50 của thế kỷ XIX, tác giả Thanh Hòa Tử đã liệt kê Công chúa Liễu Hạnh vào trong danh sách những vị thần bất tử của Việt Nam: một là Thánh Gióng, hai là Tản Viên Sơn Thần, ba là Chử Đồng Tử và Tiên Dung, bốn là Công Chúa Liễu Hạnh.

Bốn vị thần tiên sống mãi ấy nói theo tiếng Hán Việt là “Tứ Bất Tử”, mà gần đây thường thấy xuất hiện nhiều lần trên sách báo của ta”⁽²⁴⁾.

Cuối năm 1994, trên báo *Đại đoàn kết*, tác giả Bùi Thiết công bố bài viết “Tứ Bất Tử của đất Việt là những ai?”, trong đó viết:

“Trong mấy năm gần đây, giới nghiên cứu khoa học và nhân dân ta lại quan tâm đến việc tín ngưỡng thờ cúng các vị thần, vốn là người có công với dân với nước suốt mấy ngàn năm lập quốc. Đáng chú ý trong đó là các nhân vật sống mãi với non sông, được tôn phong là những vị thần *bất tử*, mà tiêu biểu là bốn vị trong bộ “Tứ Bất Tử”, như là đặc trưng cho thần linh đất Việt. Vậy “Tứ Bất Tử” gồm những vị nào?

Tài liệu gần đây nhất là cuốn *Tứ Bất Tử* của Vũ Ngọc Khánh và Ngô Đức Thịnh (là cán bộ của Viện Nghiên cứu Văn hóa Dân gian thuộc Viện Khoa học xã hội Việt Nam), do Nxb. Văn hóa Dân tộc in năm 1990. Các tác giả xếp vào Tứ Bất Tử, có: *Đức Thánh Tản* (tức Sơn Tinh); *Chử Đạo Tổ* (tức Chử Đồng Tử và vợ là Tiên Dung); *Đức Thánh Gióng* và *Mẫu Liễu Hạnh*. Và theo những chỉ dẫn của các tác giả thì “Tứ Bất Tử” vừa dẫn, lần đầu tiên có tên trong cuốn sách *Hội Chân Biên* do Thanh Hòa Tử

biên soạn và in từ năm 1847, cách ngày nay 150 năm.

Ba vị đầu trong “Tứ Bất Tử” không có vấn đề gì phải bàn (...), chỉ có Liễu Hạnh, mới xuất hiện chừng 3 - 4 thế kỷ nay chưa đủ “thâm niên” để xếp vào được với ba vị trên. Có người hoài nghi, nếu Liễu Hạnh bất tử, thì mới có sau này, cách đây chừng một thế kỷ rưỡi mà thôi. Còn từ trước năm 1847, hay từ trước thế kỷ XIX, hẳn rằng có một vị khác, chứ không phải là Liễu Hạnh...”⁽²⁵⁾.

Như vậy, nhóm tác giả Bùi Hạnh Cẩn và tác giả Bùi Thiết đều căn cứ vào “Đoạn trích dẫn cơ bản năm 1990” để bàn về bộ Tứ Bất Tử, đồng thời cũng gián tiếp cho chúng ta biết được sự nở rộ của việc sử dụng thuật ngữ Tứ Bất Tử cũng như của sự phụng thờ hay phụng thờ trở lại các vị Tứ Bất Tử trong thời kỳ đó. Các tác giả đều nhắc đến cuốn *Hội Chân Biên* của Thanh Hòa Tử, và đều cho rằng, bộ Tứ Bất Tử xuất hiện (hoặc xuất hiện lần đầu tiên) trong cuốn sách này. Tất nhiên, thông tin của họ chỉ có được từ tham khảo “Đoạn trích dẫn cơ bản năm 1990”. Và có lẽ, ở thời điểm đó, họ cũng chưa tiếp cận được với cuốn *Hội Chân Biên* nguyên bản để xác nhận lại thông tin.

Cùng năm 1994, trong cuốn *Tiếp cận tín ngưỡng dân dã Việt Nam*, tác giả Nguyễn Minh San có nhắc đến 27 vị thần thuần Việt và Tứ Bất Tử. Mặc dù tác giả không ghi chú rõ nguồn tư liệu tham khảo, nhưng có thể đoán ra là ông đã tham khảo “Đoạn trích dẫn cơ bản năm 1990”. Cụ thể, trong hai đoạn ở cách xa nhau, ông viết như sau:

“Để thỏa mãn nhu cầu của cuộc sống tâm linh, từ lâu người Việt Nam đã sáng tạo một thế giới huyền thoại, trong đó tồn tại những vị thần linh có nguồn gốc thuần Việt. Trong số vô vàn các vị thần linh ấy, có bốn vị được tôn vinh là *Thánh Bất Tử - Tứ Bất Tử*. Đó là Tản Viên Sơn Thánh, Chử Đồng Tử (Chử Đạo Tổ), Thánh Gióng, và Thánh Mẫu Liễu Hạnh”⁽²⁶⁾.

“Trong tâm thức dân gian, Việt Nam có 27 vị thần sinh ra hay đã từng sinh sống trên đất nước ta. Lại cũng trong số ấy có bốn vị được suy tôn thành Tứ Bất Tử là: Đức Thánh Tản (Tản Viên Sơn Thánh), Chử Đạo Tổ (Chử Đồng Tử), Đức Thánh Gióng, Đức Thánh Mẫu Liễu Hạnh”⁽²⁷⁾.

Một cuốn sách cũng có tên là *Tứ Bất Tử* của tác giả Phạm Kế hoàn thành bản thảo vào năm 1994 nhưng đến năm 1996 mới xuất bản. Thư mục tài liệu tham khảo - trích dẫn của sách này không có cuốn *Tứ Bất Tử*

- 1990 của hai tác giả Vũ Ngọc Khánh và Ngô Đức Thịnh, nhưng có cuốn của nhóm tác giả Bùi Hạnh Cẩn, một cuốn của tác giả Bùi Thiết cùng một bài tạp chí viết chung của hai tác giả Nguyễn Chí Bền - Nguyễn Minh San. Bởi vậy, chung quy lại, quan niệm của tác giả Phạm Kế về Tứ Bất Tử vẫn có nguồn từ chính “Đoạn trích dẫn cơ bản năm 1990”, cụ thể: “Trong tín ngưỡng dân gian có phần thờ phụng người có công đức với dân, với nước. Trong hàng ngàn người có công tích đặc biệt được suy tôn, phong sắc thánh thần ở đền, miếu, đình làng... có bốn người được coi là *Tứ Bất Tử*. *Tứ Bất Tử* là bốn vị anh hùng được coi là Thánh sống mãi với nhân dân, với đất nước: Thánh Tản Viên, Thánh Gióng, Thánh Chử Đạo Tổ và Thánh Mẫu Liễu Hạnh...”⁽²⁸⁾.

Truyền thuyết về Chử Đạo Tổ hay Chử Đồng Tử, một trong bốn vị của Tứ Bất Tử, và sự phụng thờ ông tại vùng châu thổ Bắc Bộ là đề tài nghiên cứu chuyên sâu nhiều năm qua của tác giả Đỗ Lan Phương. Mặc dù trong phần trình bày về lịch sử nghiên cứu và tổng quan tư liệu của luận văn thạc sĩ chuyên ngành Văn hóa Dân gian năm 1998, và của bài viết năm 2001⁽²⁹⁾, tác giả không nói đến cuốn *Hội Chân Biên*, nhưng trong phụ lục luận văn có đính kèm bản chụp mấy trang nguyên bản cuốn sách này phần về bộ ba Chử Đạo Tổ - Tiên Dung Công Chúa - Ngải Hòa Thiều Nữ. Mấy trang này là một trong những tư liệu mà tác giả đã thu thập tại Chử Xá và Đa Hòa. Ở thời điểm hoàn thành luận văn thạc sĩ, nó được đưa kèm lời dịch tiếng Việt vào phụ lục, chỉ với ý nghĩa sưu gom tư liệu mà hầu như chưa được sử dụng để hỗ trợ cho những trình bày/ phân tích trong chính văn. Đến bài viết năm 2004, tác giả mới có dịp sử dụng những trang tư liệu đó vào phân tích sau đây: “... Chúng tôi cũng đã làm lại việc so sánh nội dung các thần tích, truyền thuyết với truyện về Chử Đạo Tổ trong sách *Hội Chân Biên* của Thanh Hoà Tử viết vào năm 1874. Các yếu tố tu đạo của vợ chồng Chử Đồng Tử - Tiên Dung và các tình tiết mô tả về sự đắc đạo của họ - “bốc cuốn về trời”, việc cô thôn nữ Ngải Hòa (“Ngải Hòa” có nghĩa là cất lúa) vô tình có được dịp theo vợ chồng họ để thành tiên, những tình tiết này gần như chiếm hết nội dung của truyền thuyết. Như vậy, các yếu tố Đạo giáo đã được nhấn mạnh trong truyền thuyết về Thánh Chử ở sách này. Nó thể hiện ngay từ tên gọi đầu tiên: Chử Đạo Tổ. Như vậy, về mặt văn bản, danh phong Chử Đạo Tổ xuất hiện vào gần cuối thế kỷ XIX”⁽³⁰⁾.

Câu “... truyện về Chử Đạo Tổ trong sách *Hội Chân Biên* của Thanh

Hòa Tử viết vào năm 1874” trong đoạn trên cho phép chúng tôi nghĩ rằng, tác giả đã tham khảo “Đoạn trích dẫn cơ bản năm 1990”, hoặc giới thiệu năm 1944 của Nguyễn Văn Huyền (khi tham khảo, tác giả đã vô tình nhầm năm 1847 thành năm 1874, vì thế, ở cuối đoạn trích dẫn mới có câu “về mặt văn bản, danh phong Chữ Đạo Tổ xuất hiện vào gần cuối thế kỷ XIX”⁽³¹⁾). Trước đó, nhóm tác giả Bùi Hạnh Cần ghi là “những năm 50 của thế kỷ XIX” theo đúng với tinh thần của “Đoạn trích dẫn cơ bản năm 1990” hơn).

Trên đây là tình hình sử dụng lại “Đoạn trích dẫn cơ bản năm 1990” trong một số nghiên cứu/ biên khảo thuộc mảng tư liệu in trên giấy. Thêm nữa, qua sơ bộ tra cứu internet, chúng tôi thấy, “Đoạn trích dẫn cơ bản năm 1990” cũng được trích dẫn khá nhiều trên mạng. Chẳng hạn, trong phần tổng kết cuốn sách *Một cái nhìn khác về văn hóa Việt Nam*, tác giả Mặc Giao viết: “Người ta ghi nhận có 26 vị thần linh thuần Việt (theo *Hội Chân Biên* 1847 của Thanh Hòa Tử) (1), trong đó có bốn vị được gọi là Tứ Bất Tử: Thánh Tản Viên..., Đức Thánh Gióng Phù Đổng Thiên Vương..., Chử Đồng Tử... và Công chúa Liễu Hạnh...” (chú thích (1) có chỉ dẫn tư liệu tham khảo như sau: Xem VŨ NGỌC KHÁNH, *Tiếp Cận Kho Tàng Folklore Việt Nam*, tr. 64. Nhà Xuất Bản Văn Hóa Dân Tộc, Việt Nam, 1999)⁽³²⁾.

Rõ ràng, đoạn trích trên cũng là bản phái sinh từ “Đoạn trích dẫn cơ bản năm 1990”, tuy chưa hiểu vì sao tác giả Mặc Giao lại nhầm con số 27 vị thần linh thuần Việt thành 26 vị.

Như vậy, đến đây, chúng ta có thể nhận định, “Đoạn trích dẫn cơ bản năm 1990” là một text có “khả năng sinh sản” rất cao. Nó có giá trị như bản rút gọn của toàn bộ nội dung cuốn *Tứ Bất Tử - 1990*, do đó trở thành một text chứa đựng sức lan tỏa lớn, nên ý tưởng khoa học về Tứ Bất Tử của hai tác giả Vũ Ngọc Khánh và Ngô Đức Thịnh nhờ nó mà được chấp nhận rộng rãi trong học giới và trong dân gian. Cần nhấn mạnh rằng, sức lan tỏa lớn của text này, quả thực, phần nhiều được tạo ra bởi chính sự xuất hiện của sách *Hội Chân Biên* và tác giả Thanh Hòa Tử cùng với năm xuất bản 1847. Thế nhưng, như đề cập ở phần đầu bài viết và như dẫn giải dưới đây, bản thân text đó có chứa ngộ nhận (hay khả năng gây ngộ nhận cho người tiếp theo) về mối quan hệ giữa cuốn *Hội Chân Biên* và Tứ Bất Tử.

3. Một số phân tích về sự nhầm lẫn

Từ “Đoạn trích dẫn cơ bản năm 1990”, chúng ta thường đọc ra bốn thông tin đại cương về cuốn *Hội Chân Biên*: soạn giả, năm xuất bản, số các vị thần đã sinh ra hay sinh sống trên đất nước ta (và số nữ thần ở trong đó), bộ Tứ Bất Tử đã được chọn ra từ các vị thần ấy. Qua khảo sát nguyên bản cuốn *Hội Chân Biên* bằng chữ Hán và những tài liệu liên quan, chúng tôi thấy cần thiết phải cải đính nhận thức lâu nay về bốn thông tin được cung cấp bởi “Đoạn trích dẫn cơ bản năm 1990”. Về thông tin thứ nhất và thứ hai, chúng tôi sẽ đề cập trong mục tiếp theo của bài viết, ở đây bàn trước về thông tin thứ ba và thứ tư.

Trước hết, cần đính chính rằng, tất cả các vị thần tiên được nêu trong cuốn *Hội Chân Biên* nguyên bản chữ Hán đều là “không chết/ bất tử”, mà không phải chỉ có “bốn không chết/ tứ bất tử”. Mặc dù có sự phân chia ngôi cao thấp khác nhau biểu hiện qua thứ tự sắp xếp trong sách, nhưng tất cả các vị ấy đều bình đẳng ở điểm “không chết”.

Con số 27 đã thỏa đáng chưa sẽ bàn sau, nhưng phải nói ngay rằng, trong cuốn *Hội Chân Biên*, Thanh Hòa Tử không trực tiếp đưa ra con số 27. Hãy tạm xem con số 27 ấy là do Nguyễn Văn Huyền đưa ra khi ông khảo sát cuốn *Hội Chân Biên*. Nhưng nếu chính xác hơn nữa, thì ngay con số 27 cũng không phải do Nguyễn Văn Huyền trực tiếp đưa ra, mà ông chỉ viết rằng “một phần 13 vị nam, phần kia gồm 14 vị nữ”, rồi sau này, nhóm tác giả Vũ Ngọc Khánh đã đem cộng hai phần ấy lại để có được con số 27.

Thứ hai, phải nhấn mạnh một điểm quan trọng nữa là, trong cuốn *Hội Chân Biên* nguyên bản chữ Hán, ngay bản thân cụm 不死 (bất tử), hoặc cụm 四不死 (tứ bất tử) cũng không hề tồn tại. Theo chúng tôi, chữ “不死/ bất tử” của cuốn *Hội Chân Biên* đã được sinh ra một cách vòng vèo qua những lần chuyển ngữ như sau:

Đầu tiên, vào những năm 1940, khi tham khảo tài liệu để viết cuốn *Le Culte des Immortels en Annam*, Nguyễn Văn Huyền đã đem những cách gọi khác nhau đối với các vị nam thần và nữ thần của nguyên bản cuốn *Hội Chân Biên* bằng chữ Hán dịch gộp lại làm một bảng từ “Immortel/ Immortels” trong tiếng Pháp (trong nguyên bản cuốn *Hội Chân Biên*, phần lớn nam thần được gọi là “真人/ chân nhân”, nữ thần được gọi là “公主/ công chúa”, hoặc “仙子/ tiên tử”, hay “仙娘/ tiên nương”).

Trong tiếng Pháp, “Mortel” (tính từ, danh từ) có một nghĩa là “chết”⁽³³⁾, thêm tiếp đầu tố “Im” để có được “Immortel” với nghĩa “không chết/ bất tử”, hay nghĩa mở rộng là “người bất tử/ đáng bất tử/ vị bất tử”. Có cùng một gốc từ, nên từ “Mortal” (tính từ, danh từ) trong tiếng Anh có nghĩa là “chết”, và từ “Immortal” có nghĩa là “không chết/ bất tử”. Bởi vậy, Olga Dror đã dịch tiêu đề cuốn *Tứ Bất Tử - 1990* của nhóm Vũ Ngọc Khánh sang tiếng Anh là “The Four Immortals”⁽³⁴⁾. Gần đây, một tác giả người Nga là Sharipov (Шарипов), do chưa tiếp cận được với cuốn *Hội Chân Biên* nguyên bản, nên thông qua cuốn sách của Nguyễn Văn Huyền in năm 1944 mà dịch tiêu đề “Hội Chân Biên” sang tiếng Nga thành “Книга записей о бессмертных”⁽³⁵⁾. Từ “бессмертных” ở đây có gốc từ “бессмертие” với nghĩa là “bất tử/ bất hủ”, cho nên toàn tiêu đề tiếng Nga ấy có nghĩa là *Cuốn sách ghi chép về các đáng/ vị bất tử*.

Sau này, một số người Việt Nam khi đọc sách của Nguyễn Văn Huyền đã đem “Immortel/ Immortels” dịch ngược sang tiếng Việt thành: “Thần tiên bất tử”, “Thánh bất tử”, “Thần tiên”. “Thần tiên bất tử” là từ Nguyễn Đăng Thục đã sử dụng từ thập niên 1960⁽³⁶⁾, không hẳn là dùng để trực tiếp dịch tiêu đề sách của Nguyễn Văn Huyền. Nhưng qua trình bày của ông, ta có thể đoán định, ông dùng từ ấy với nghĩa tương đương “Immortel”. “Thánh bất tử” là cách dịch của Vũ Ngọc Khánh vào thập niên 1990⁽³⁷⁾ và được một số người sử dụng lại⁽³⁸⁾. Chính bởi dịch như vậy, nên trên bìa của cuốn *Tứ Bất Tử - 1990*, chúng ta thấy có một phụ đề đặt trong ngoặc đơn là (*Bốn vị thánh bất tử*). “Thần tiên” là cách dịch của nhóm dịch cuốn sách của Nguyễn Văn Huyền ra tiếng Việt năm 1996⁽³⁹⁾.

Chung quy lại, chữ “bất tử” đã xuất hiện khi dịch sách của Nguyễn Văn Huyền từ tiếng Pháp sang tiếng Việt. Và thế là, chữ “bất tử” vốn có nguồn gốc từ tiếng Pháp qua trung gian là tiếng Việt mà được ngầm chuyển mã sang chữ Hán thành “不死”, người ta lại dùng chữ 不死 để nói (một cách gián tiếp) về nội dung cuốn *Hội Chân Biên*. Ngộ nhận lâu nay cho rằng, bộ Tứ Bất Tử đã xuất hiện đầu tiên trong cuốn *Hội Chân Biên* của Thanh Hòa Tử in năm 1847 chính là hình thành theo con đường này. Còn bản thân nguyên bản cuốn *Hội Chân Biên* bằng chữ Hán không hề có “不死/ bất tử”, vì thế cũng không có “四不死/ tứ bất tử”.

Chúng tôi chủ trương rằng, chỉ nên dùng riêng “Thần tiên” hoặc riêng “bất tử”, mà không nên sử dụng những từ ghép là “Thần tiên bất tử”, hay

“Thánh bất tử”. Bởi vì đã là “Thần tiên” hay “Thánh” thì đều “bất tử”. Nói cách khác, có vị Thần tiên hay Thánh nào mà không bất tử? Bởi vậy, tiêu đề cuốn *Le Culte des Immortels en Annam* của Nguyễn Văn Huyền nên dịch là *Sự phụng thờ các vị thần tiên ở Việt Nam* (cách dịch của các dịch giả năm 1996 là *Tục thờ cúng thần tiên ở Việt Nam*), hoặc là *Sự phụng thờ các đấng bất tử ở Việt Nam*. Tuy nhiên, để tránh sự ngộ nhận tiếp theo về mối quan hệ giữa cuốn *Hội Chân Biên* và Tứ Bất Tử, phải chăng chúng ta nên chọn cách dịch thứ nhất.

Thứ ba, từ mối liên quan nhiều chiều giữa ba cuốn sách đang được đề cập (*Hội Chân Biên*, *Le Culte des Immortels en Annam*, *Tứ Bất Tử - 1990*) và những tư liệu liên quan khác, chúng tôi muốn đề cập đến lịch phả (hay con đường) hình thành bộ Tứ Bất Tử trong quan niệm của các nhà nghiên cứu/ biên khảo. Chúng tôi sẽ làm rõ lịch phả ấy trong những bài viết khác. Ở đây, trước hết, như một sự cải đính, chúng tôi muốn bỏ đi hai vị trong lịch phả mà chúng ta đã vạch ra một cách tạm thời cho đến nay, đó là Thanh Hòa Tử và Nguyễn Văn Huyền. Rõ ràng, như đã diễn giải, hai vị này không đưa ra bộ Tứ Bất Tử (qua *Hội Chân Biên* và *Le Culte des Immortels en Annam*) như chúng ta đã lầm tưởng trong nhiều năm qua. Ngược lại, chúng tôi lại muốn bổ sung vào lịch phả sơ bộ đó hai gương mặt mới, đó là Nguyễn Đăng Thục và Toan Ánh.

Riêng về Nguyễn Văn Huyền, cho đến nay, có tài liệu nhầm lẫn (hay cách viết không rõ ràng của chúng tạo ra sự nhầm lẫn cho người khác) rằng, tác giả này đưa ra hay đề cập đến Tứ Bất Tử trong cuốn sách của ông in năm 1944. Chẳng hạn, trong cuốn *Vân Cát thần nữ* của nhóm tác giả Vũ Ngọc Khánh và Phạm Văn Ty viết như sau: “Trong lĩnh vực nghiên cứu, mãi đến năm 1944, mới có cuốn *Sự phụng thờ các vị bất tử ở nước Nam* của Tiến sĩ Nguyễn Văn Huyền, Trường Viễn Đông Bác Cổ, đề cập đến Liễu Hạnh. Tác giả viết bằng tiếng Pháp, dành cho Liễu Hạnh một số trang. Khác với những bản chữ Hán, chữ Nôm nói trên, Nguyễn Văn Huyền có nói đến cả cuộc chiến tranh ở núi Sòng, vì ông nghiên cứu sâu vào Nội Đạo Tràng (một đạo phái ra đời từ thế kỷ XVII). Ông tỏ ra thận trọng khi nói đến vị nữ thần này cùng các vị khác (như Bát tiên, *Tứ Bất Tử* (CXG - nhấn mạnh), v.v...). Vừa khảo tả, vừa nghiên cứu, Nguyễn Văn Huyền nêu lên một số luận điểm, khẳng định nét độc đáo và tự hào dân tộc của các đạo Tứ Phủ, đạo Tiên, Nội Đạo Tràng ở Việt Nam, trong đó có bà Chúa Liễu, song chưa đi sâu (do yêu cầu của toàn tác phẩm)”⁽⁴⁰⁾.

Trong cuốn sách in năm 1944, rõ ràng Nguyễn Văn Huyền có đề cập đến Bát tiên. “Nhóm cổ điển gồm tám vị bất tử” ấy được ông đưa lên phần đầu tiên của sách để nói về “ảnh hưởng Trung Quốc trong ước vọng bất tử của người Việt Nam”. Thế nhưng, ông không nói gì đến “nhóm cổ điển” tương tự của Việt Nam, tức là không nói đến Tứ Bất Tử. Tuy nhiên, cần lưu ý, trước khi Nguyễn Văn Huyền công bố cuốn sách in năm 1944 bằng tiếng Pháp mấy năm, thì nhà văn Nguyễn Tuân đã cho ra mắt tập truyện ngắn *Vang bóng một thời*, mà một truyện trong đó là “Trên đỉnh non Tản” có đề cập đến bộ “bốn vị Tứ Bất Tử”: “Tục truyền những trận hồng thủy dữ dội tàn khốc như thế là gây nên bởi cuộc đánh ghen giữa vua Thủy và một vị thần trong bốn vị Tứ Bất Tử nơi thế giới u linh: Thánh Tản Viên, Chúa Liễu Hạnh, Chử Đồng Tử, và Phù Đổng Thiên Vương”⁽⁴¹⁾.

Còn về hai gương mặt Nguyễn Đăng Thục và Toan Ánh mà chúng tôi gọi là mới, quả thực họ hoàn toàn không mới, chỉ có điều chúng ta chưa định vị họ vào lịch sử hình thành bộ Tứ Bất Tử. Trong những công trình tổng quan tình hình nghiên cứu về tín ngưỡng dân gian Việt Nam trong thế kỷ XX, chắc hẳn không thể không đề cập đến cống hiến của hai tác giả này. Chẳng hạn, trong một bài viết chung gần đây với tiêu đề *Nhìn lại một thế kỷ nghiên cứu tín ngưỡng dân gian*, Ngô Đức Thịnh và Phạm Quỳnh Phương đã nhận định về hai ông như là hai tác giả đáng chú ý nhất trong các học giả Miền Nam giai đoạn 1954 - 1975 quan tâm đến vấn đề tín ngưỡng⁽⁴²⁾.

Nguyễn Đăng Thục, khi viết Phần IV “Trường Đạo Nội” cuốn *Tư tưởng Việt Nam* xuất bản tại Miền Nam năm 1964 đã sử dụng cuốn *Hội Chân Biên* và cuốn sách của Nguyễn Văn Huyền in năm 1944. Qua trình bày của ông, chúng ta biết được rằng, khác với Toan Ánh và nhóm tác giả Vũ Ngọc Khánh cũng như nhiều tác giả sau này, trong tay Nguyễn Đăng Thục lúc đó có nguyên bản cuốn *Hội Chân Biên*. Tại đây, ông đưa ra cái gọi là “bốn vị bất tử phổ thông nhất”, mà không phải “bốn vị bất tử/ bốn bất tử/ tứ bất tử”, như sau: “Trong hàng *bốn vị bất tử phổ thông nhất* (CXG - nhấn mạnh) là Thánh Tản hay Sơn Tinh, Thánh Gióng hay Đổng Thiên Vương, Chử Đồng Tử hay Đạo Tổ và Thánh Mẫu hay Liễu Hạnh Tiên Chúa, đặc trưng nhất là Chử Đồng Tử với Tiên Chúa Liễu Hạnh”⁽⁴³⁾.

Bộ “bốn vị bất tử phổ thông nhất” đưa ra trong đoạn trích dẫn nêu trên có lẽ là sự lựa chọn của cá nhân Nguyễn Đăng Thục. Hiện chúng ta vẫn

chưa rõ con đường hình thành của sự lựa chọn ấy. Nhưng rõ ràng, cuốn *Hội Chân Biên* của Thanh Hòa Tử và cuốn sách của Nguyễn Văn Huyền in năm 1944 đã gợi ý cho ông trong việc xem Chử Đồng Tử và Liễu Hạnh là hai vị “đặc trưng nhất” trong hàng “bốn vị bất tử phổ thông nhất”. Bởi vì, hai vị bất tử ấy đều được cuốn *Hội Chân Biên* và sau này là cuốn sách của Nguyễn Văn Huyền in năm 1944 đưa lên vị trí cao nhất của nam thần và nữ thần nước Việt. Cuốn *Hội Chân Biên* đưa Chử Đạo Tổ lên vị trí đầu tiên của *quyển Càn* thuộc sách ấy (quyển nói về các nam thần) với danh hiệu “Chử Đạo Tổ”, cũng đưa Liễu Hạnh lên vị trí đầu tiên của *quyển Khôn* (quyển nói về các nữ thần) với danh hiệu “Sùng Sơn Thánh Mẫu”⁽⁴⁴⁾. Cách làm đó của Thanh Hòa Tử đã được Nguyễn Văn Huyền tiếp thu trong cuốn sách in năm 1944 ở chỗ, sau khi viết về bộ bát tiên của Trung Quốc, ông viết về Chử Đồng Tử với danh hiệu “Ông tổ của các thần tiên Việt Nam”, rồi sau đó là về Bà Chúa Liễu Hạnh với danh hiệu “Vị tiên nữ đầu tiên của các tiên nữ Việt Nam”⁽⁴⁵⁾. Như vậy, có thể thấy, cách làm của Thanh Hòa Tử và Nguyễn Văn Huyền đã có ảnh hưởng hay gợi ý đối với Nguyễn Đăng Thục. Nhưng việc đưa ra bộ “bốn vị bất tử phổ thông nhất” là của riêng Nguyễn Đăng Thục. Ở một chỗ khác trong cuốn *Tư tưởng Việt Nam*, Nguyễn Đăng Thục đã gọi “bốn vị bất tử phổ thông nhất” ấy thành “bốn bất tử” của nước Việt gồm: Tản Viên, Phù Đổng, Chử Đồng Tử, Liễu Hạnh⁽⁴⁶⁾. Tuy nhiên, cách gọi “bốn bất tử” của Nguyễn Đăng Thục lại ở trong quan hệ sâu với bản ngọc phả chữ Hán mang tựa đề “Đa Hòa xã thần tích: Hùng triều Chử Đồng Tử cập Tiên Dung, Tây Cung, nhị vị tiên nữ ngọc phả”, mà hiện nay, chúng tôi chưa có điều kiện khảo cứu sâu hơn, nên tạm gác lại ở đây.

Quan niệm về “bốn vị bất tử phổ thông nhất” hay “bốn bất tử” của Nguyễn Đăng Thục đã được Toan Ánh tiếp thu. Chúng ta có thể tìm thấy những ghi chú của Toan Ánh trong bộ *Hội hè - Đình đám Việt Nam* (xuất bản lần đầu năm 1969) về việc trích dẫn từ sách của Nguyễn Đăng Thục ở những chỗ nói về Chử Đồng Tử và bộ Tứ Bất Tử⁽⁴⁷⁾. Chúng tôi phỏng đoán rằng, vào thời điểm năm 1969, dù tiếp cận một phần bản dịch cuốn *Hội Chân Biên* trong sách của Nguyễn Đăng Thục, nhưng Toan Ánh chưa đọc cuốn *Hội Chân Biên* nguyên bản. Điều quan trọng hơn là, nhận thức của Toan Ánh về Tứ Bất Tử đã khác với nhận thức của Nguyễn Đăng Thục. Về cơ bản, Nguyễn Đăng Thục cho rằng bốn vị (Tản Viên, Phù Đổng, Chử Đồng Tử, Liễu Hạnh) chỉ là “bốn vị bất tử phổ thông nhất”

trong số rất nhiều vị bất tử được ghi trong sách của Thanh Hòa Tử và của Nguyễn Văn Huyền, còn Toán Ánh thì nghĩ rằng, “bất tử” chỉ có “bốn vị” mà thôi (tức Tứ Bất Tử). Chẳng hạn, Toán Ánh đã viết: “Chữ Đồng Tử là một trong bốn vị được coi là *bất tử* (CXG - nhấn mạnh) của Việt Nam, và là vị Thành Hoàng của Tự Nhiên Châu Xã” (có chú thích vào chữ “bất tử của Việt Nam” như sau: “Bốn vị này là: Tân Viên Sơn Thần, Phù Đổng Thiên Vương, Liễu Hạnh Công Chúa, và Chữ Đồng Tử...”) ⁽⁴⁸⁾. Và: “Chữ Đồng Tử là một trong *Tứ Bất Tử* (CXG - nhấn mạnh) theo tín ngưỡng của Việt Nam, và rất được dân chúng Việt Nam tôn sùng” ⁽⁴⁹⁾.

Việc chỉ xem bốn vị là bất tử này, chúng tôi thấy có sự gẫn gũi trong nhận thức về Tứ Bất Tử giữa Toán Ánh và nhóm Vũ Ngọc Khánh. Hiện nay, chúng tôi, với tư cách là độc giả, chưa rõ về việc có hay không có mối liên hệ về mặt học thuật (nếu có thì diễn ra như thế nào) giữa các công trình của Nguyễn Đăng Thục và Toán Ánh xuất bản ở Miền Nam trước năm 1975 với các công trình của nhóm tác giả Vũ Ngọc Khánh sau Đổi mới.

(Kỳ sau đăng tiếp)

CHÚ THÍCH:

1. Năm 1944, Nguyễn Văn Huyền viết lời giới thiệu về cuốn *Hội Chân Biên* như sau: “Danh sách các thần tiên Việt Nam: Khác với đạo Phật và đạo Khổng, việc thờ các vị thần tiên ở nước ta có một kho vốn riêng của Việt Nam. Về đề tài này, Trường Viễn Đông Bác Cổ của Pháp có một cuốn sách đầu đề là *Hội Chân Biên*. Đó chính là một *danh sách các thần tiên Việt Nam*. Cuốn sách được viết dưới bút danh Thanh Hòa Tử và được xuất bản vào năm thứ 7 đời Thiệu Trị (1847).
Sách dày 43 trang, cung cấp cho chúng ta bản *danh sách các vị bất tử của Việt Nam*, tức là những vị được sinh ra hoặc đã từng thật sự sống trên đất nước ta. Danh sách này có hai phần, một phần gồm 13 vị nam, phần kia gồm 14 vị nữ”.
Nguyễn Văn Huyền (1944), “Tục thờ cúng thần tiên ở Việt Nam - Tranh khắc gỗ trích từ cuốn *Hội Chân Biên*” (bản dịch tiếng Việt), trong Nguyễn Văn Huyền (1996), *Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam*, Tập II, Nxb. Khoa học xã hội: 147.
2. Chú thích số 39 trong Chu Xuân Giao, Phan Lan Hương (2008), “Truy tìm những khoảnh chân thực riêng lẻ: về thời điểm xuất hiện của phù Tây Hồ từ góc nhìn nhân loại học lịch sử”, *Tạp chí Văn hóa Dân gian*, số 3.
3. Chu Xuân Giao, Phan Lan Hương (2008), “Truy tìm những khoảnh chân thực riêng lẻ: về thời điểm xuất hiện của phù Tây Hồ từ góc nhìn nhân loại học lịch sử”, bài đã dẫn: 41.
4. Vũ Ngọc Khánh, Ngô Đức Thịnh (1990), *Tứ Bất Tử (Bốn vị thánh bất tử)*, Nxb. Văn hóa Dân tộc: 9.
Cuốn sách này, ở ngoài bìa ghi là “Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc, Hà Nội -

- 1990”, nhưng ở phần cuối sách ghi là “In xong và nộp lưu chiểu tháng 1 - 1991”. Ở đây, chúng tôi tạm ghi năm xuất bản là 1990. Còn bản thân nhóm tác giả cuốn sách, trong các công trình sau này, khi nói về cuốn *Tứ Bất Tử*, có lúc ghi năm 1990, có lúc lại ghi năm 1991.
5. Sách này không phân rõ trách nhiệm của từng tác giả đối với mỗi chương, mỗi tiết, nên hiện chúng tôi chưa rõ người viết đoạn trích dẫn ở đây là ai, do vậy xin tạm sử dụng cách viết “hai tác giả Vũ Ngọc Khánh và Ngô Đức Thịnh” hay “nhóm tác giả Vũ Ngọc Khánh” khi nhắc đến tác giả của sách.
 6. Vũ Ngọc Khánh, “Văn hóa dân gian và việc tìm hiểu lịch sử tư tưởng Việt Nam”, trong Viện Nghiên cứu Văn hóa Dân gian (1989), *Văn hóa dân gian: Những lĩnh vực nghiên cứu*, Nxb. Khoa học xã hội: 58.
 7. Ngô Đức Thịnh (2007), *Về tín ngưỡng và lễ hội cổ truyền*, Viện Văn hóa - Nxb. Trẻ: 8.
 8. Vũ Ngọc Khánh, Ngô Đức Thịnh (1990), *Tứ Bất Tử (Bốn vị thánh bất tử)*, sách đã dẫn: 5.
 9. Ngô Đức Thịnh (2007), *Về tín ngưỡng và lễ hội cổ truyền*, sách đã dẫn: 477.
 10. Vũ Ngọc Khánh (1994), *Tín ngưỡng làng xã*, Nxb. Văn hóa Dân tộc: 60 - 62.
 11. Vũ Ngọc Khánh (1995), *Từ vựng thuật ngữ Folklore Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Thông tin: 152 - 153.
 12. Vũ Ngọc Khánh (1995), *Từ vựng thuật ngữ Folklore Việt Nam*, sách đã dẫn: 34.
 13. Thực tế, bản in năm 2002 không ghi là tái bản (hay in lần thứ 2), cũng không có những chỉ dẫn về việc nó có khác hay không khác với bản in năm 1996.
 14. Ngô Đức Thịnh chủ biên (2002), *Đạo Mẫu ở Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Thông tin: 444.
 15. Ngô Đức Thịnh chủ biên (2002), *Đạo Mẫu ở Việt Nam*, sách đã dẫn: 11.
 16. Ngô Đức Thịnh chủ biên (2002), *Đạo Mẫu ở Việt Nam*, sách đã dẫn: 25.
 17. Ngô Đức Thịnh chủ biên (2001), *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội: 169.
 18. Ngô Đức Thịnh chủ biên (2001), *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*, sách đã dẫn: 178.
 19. Ngô Đức Thịnh (2007), *Về tín ngưỡng và lễ hội cổ truyền*, Viện Văn hóa - Nxb. Trẻ: 171, 202; Ngô Đức Thịnh (2008), *Lên đồng: Hành trình của thần linh và thân phận*, Viện Văn hóa - Nxb. Văn hóa Thông tin: 46.
 20. Ngô Đức Thịnh (1996), “Nguyễn Văn Huyền với các công trình nghiên cứu về tín ngưỡng dân gian”, *Tạp chí Văn hóa Dân gian*, số 1: 32; sau tuyển in vào Ngô Đức Thịnh (2007), *Về tín ngưỡng và lễ hội cổ truyền*, Viện Văn hóa - Nxb. Trẻ.
 21. Ngô Đức Thịnh (1997), “Mấy ghi nhận về Thánh Tản Viên trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam”, *Tạp chí Văn hóa Dân gian*, số 1: 71; sau tuyển in vào Ngô Đức Thịnh (2007), *Về tín ngưỡng và lễ hội cổ truyền*, Viện Văn hóa - Nxb. Trẻ, với tiêu đề “Tản Viên, vị thần núi tiêu biểu của điện thần Việt - Mường”.
 22. Ngô Đức Thịnh (2000), “Phụng thờ Chử Đồng Tử trong biểu tượng Tứ Bất Tử ở Việt Nam”, *Tạp chí Văn hóa Dân gian*, số 2: 12; sau tuyển in vào Ngô Đức Thịnh (2007), *Về tín ngưỡng và lễ hội cổ truyền*, Viện Văn hóa - Nxb. Trẻ.
 23. Bùi Hạnh Cẩn, Lê Trần (1993), *Chợ Viêng và Hội Phú*, Nxb. Giáo dục: 7.
 24. Bùi Hạnh Cẩn, Lê Trần (1993), *Chợ Viêng và Hội Phú*, sách đã dẫn: 114.
 25. Bùi Thiết (1994), “Tứ Bất Tử của đất Việt là những ai”, *Đại đoàn kết (Chuyên đề cuối tháng - Người cao tuổi)*, số 17, từ ngày 20/11 đến ngày 20/12/1994: 6.

26. Nguyễn Minh San (1994), *Tiếp cận tín ngưỡng dân dã Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Dân tộc: 18.
27. Nguyễn Minh San (1994), *Tiếp cận tín ngưỡng dân dã Việt Nam*, sách đã dẫn: 25.
28. Phạm Kế (1996), *Tứ Bất Tử*, Nxb. Lao động: 4.
29. Đỗ Lan Phương (1998), *Việc phụng thờ Chử Đồng Tử ở Chử Xá (xã Văn Đức, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội)*, Luận văn Thạc sĩ Văn hóa Dân gian, tài liệu lưu trữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Văn hóa: 2-10; Đỗ Lan Phương, “Chử Đạo Tổ”, trong Ngô Đức Thịnh chủ biên (2001), *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội: 277 - 279.
30. Đỗ Lan Phương (2004), “Sự vận động của hiện tượng thờ Chử Đồng Tử qua phân tích hệ thống truyền thuyết”, *Tạp chí Văn hóa Dân gian*, số 1: 32.
31. Bản dịch trích đoạn cuốn *Hội Chân Biên* gắn vào Phụ lục Luận văn Thạc sĩ của Đỗ Lan Phương, theo ghi chú, là do Nguyễn Minh Tường (Viện Sử học) thực hiện. Ở phần chú thích của bản dịch, người dịch giới thiệu ngắn gọn như sau: “*Hội Chân Biên*: là tên sách, nghĩa đen là “Biên chép về các bậc chân nhân” do Thanh Hòa Tử biên soạn khoảng đời Thiệu Trị (1841 - 1847)”. Đỗ Lan Phương (1998), *Việc phụng thờ Chử Đồng Tử ở Chử Xá (xã Văn Đức, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội)*, Luận văn Thạc sĩ Văn hóa Dân gian, tài liệu lưu trữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Văn hóa: 99.
32. Mặc Giao, *Một cái nhìn khác về văn hóa Việt Nam*, <http://www.dunglac.org/upload/book/fl191749817.mht>
33. *Từ điển Pháp - Việt*, <http://vdict.com/mortel,5,0,0.html>
34. Olga Dror (2002), “Doan Thi Diem’s Story of the Van Cat Goddess as a Story of Emancipation”, *Journal of Southeast Asian Studies*, 33 (1), February (Lê Thị Huệ dịch (2006), “*Vân Cát thần nữ truyện* của Đoàn Thị Diễm: truyện giải phóng phụ nữ”, <http://www.gio-o.com>).
35. Sharipov Alisher Shavkatovich (2001), *Thần thánh hóa những yếu tố nữ tính trong tôn giáo dân gian Việt Nam* (tiếng Nga), Tóm tắt Luận án Phó Tiến sĩ, Khoa Triết học, Đại học Quốc lập St. Petersburg, <http://orient-kafedra.narod.ru/sharipov.html>.
36. Nguyễn Đăng Thục (1964), *Tu tưởng Việt Nam*, Nhà sách Khai Trí: 148 - 149.
37. Bên cạnh cách dịch này, bản thân tác giả Vũ Ngọc Khánh cũng từng dịch là “Sự phụng thờ các vị bất tử ở nước Nam” trong: Vũ Ngọc Khánh, Phạm Văn Ty chủ biên (1990), *Vân Cát thần nữ*, Nxb. Văn hóa Dân tộc: 12.
38. Ngô Đức Thịnh (2007), *Về tín ngưỡng và lễ hội cổ truyền*, Viện Văn hóa - Nxb. Trẻ: 486.
39. *Tục thờ cúng thần tiên ở Việt Nam - Tranh khắc gỗ trích từ cuốn “Hội Chân Biên”* (bản dịch tiếng Việt), trong Nguyễn Văn Huyền (1996), *Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam*, Tập II, Nxb. Khoa học xã hội: 139 - 250.
40. Vũ Ngọc Khánh, Phạm Văn Ty chủ biên (1990), *Vân Cát thần nữ*, Nxb. Văn hóa Dân tộc: 12.
41. Nguyễn Tuân (1940), “Trên đỉnh non Tản”, trong Lữ Huy Nguyên tuyển chọn (2002), *Tuyển tập Nguyễn Tuân I*, Nxb. Văn học: 132.
42. Nguyên văn nhận định đó như sau: “Nếu đánh giá một cách khách quan thì trong giai đoạn 1954 - 1975, các học giả Miền Nam quan tâm tới vấn đề tín ngưỡng nhiều hơn (...). Đáng chú ý nhất, theo chúng tôi là một số cuốn sách, bài viết của hai tác giả Toan Ánh và Nguyễn Đăng Thục. Toan Ánh viết khá nhiều về tín ngưỡng, mà sau này đã được chọn tái bản trong cuốn *Nếp cũ: Tín ngưỡng*

Việt Nam. Nguyễn Đăng Thục quan tâm tới “Ý thức thần thoại và tín ngưỡng thần linh”: Tứ Bất Tử (CXG - nhân mạnh) hay Trường Đạo Nội và cũng đã chú ý tới tín ngưỡng thờ Mẫu. Nhưng hai tác giả này tiếp cận tín ngưỡng dân gian từ hai con đường khác nhau. Nếu Toan Ánh tiếp cận tín ngưỡng từ góc độ lễ hội, phong tục, thì Nguyễn Đăng Thục xuất phát từ việc nghiên cứu lịch sử tư tưởng Việt Nam. Nếu các bài viết của Toan Ánh nặng tính chất miêu thuật, thì Nguyễn Đăng Thục căn cứ chủ yếu vào thần thoại, truyền thuyết đã vạch ra những đặc điểm của tư tưởng bình dân Việt Nam vốn in đậm nét những quan niệm tín ngưỡng truyền thống. Những trang viết của ông về Trường Đạo Nội có nhiều nhận xét rất sắc sảo và thuyết phục”. Ngô Đức Thịnh (2007), *Về tín ngưỡng và lễ hội cổ truyền*, Viện Văn hóa - Nxb. Trẻ: 476 - 477.

Chúng tôi chia sẻ với nhận định này. Tuy nhiên, mặc dù các tác giả có nhắc đến Tứ Bất Tử như là một quan tâm của Nguyễn Đăng Thục, nhưng có lẽ thời điểm nhắc đến điều trên của các tác giả đã hơi muộn. Bởi vì, lẽ ra điều ấy cần được nhắc đến từ trước đó, chẳng hạn trong cuốn *Tứ Bất Tử - 1990* hay các bài viết hoặc phần viết mang tính lý luận về hệ thống Tứ Bất Tử sau đó (ví dụ phần “Tứ Bất Tử là một hệ biểu tượng Việt Nam” trong Ngô Đức Thịnh (2000), “Phụng thờ Chử Đồng Tử trong biểu tượng Tứ Bất Tử ở Việt Nam”, *Tạp chí Văn hóa Dân gian*, số 2. Cuốn *Tứ Bất Tử* do không có phần tài liệu tham khảo, nên chúng tôi chưa biết được rằng ở thời điểm năm 1990, hai tác giả Vũ Ngọc Khánh - Ngô Đức Thịnh có tham khảo cuốn sách xuất bản năm 1964 của Nguyễn Đăng Thục hay không.

43. Nguyễn Đăng Thục (1964), *Tư tưởng Việt Nam*, Nhà sách Khai Trí: 149.
44. Trần Khánh Hạo, Trịnh A Tài, Trần Nghĩa chủ biên (1992), *Việt Nam Hán văn tiểu thuyết tùng san* (tiếng Trung), Quyển 5, Tập II, Thư cục Học sinh Đài Loan: 272 - 273.
45. *Tục thờ cúng thần tiên ở Việt Nam - Tranh khắc gỗ trích từ cuốn “Hội Chân Tiên”* (bản dịch tiếng Việt), trong Nguyễn Văn Huyền (1996), *Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam*, Tập II, Nxb. Khoa học xã hội: 147 - 154.
46. Nguyễn Đăng Thục (1964), *Tư tưởng Việt Nam*, Nhà sách Khai Trí: 157.
47. Toan Ánh (1999), *Hội hè - Đình đám Việt Nam*, Quyển Hạ, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh: 79, 84, 87.
48. Toan Ánh (1999), *Hội hè - Đình đám Việt Nam*, Quyển Hạ, sách đã dẫn: 79.
49. Toan Ánh (1999), *Hội hè - Đình đám Việt Nam*, Quyển Hạ, sách đã dẫn: 87.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Toan Ánh (1999), *Hội hè - Đình đám Việt Nam*, Quyển Hạ, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Bùi Hạnh Cẩn, Lê Trân (1993), *Chợ Viêng và Hội Phú*, Nxb. Giáo dục.
3. Olga Dror (2002), “Doan Thi Diem’s Story of the Van Cat Goddess as a Story of Emancipation”, *Journal of Southeast Asian Studies*, 33 (1), February (Lê Thị Huệ dịch (2006), “*Vân Cát thần nữ truyện* của Đoàn Thị Diễm: truyện giải phóng phụ nữ”, <http://www.gio-o.com>).
4. Trần Anh Đào (2007), “Sơ lược về nghiên cứu Đạo giáo ở Việt Nam (tiếp theo kỳ trước)”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 11.
5. Mặc Giao, *Một cái nhìn khác về văn hóa Việt Nam*, <http://www.dunglac.org/upload/book/fl191749817.mht>

6. Chu Xuân Giao, Phan Lan Hương (2008), “Truy tìm những khoảnh chân thực riêng lẻ: về thời điểm xuất hiện của phù Tây Hồ từ góc nhìn nhân loại học lịch sử”, *Tạp chí Văn hóa Dân gian*, số 3.
7. Trần Văn Giáp (1984), *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm*, Tập I, Nxb. Văn hóa.
8. Trần Văn Giáp (1990), *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm*, Tập II, Nxb. Khoa học xã hội.
9. Trần Khánh Hạo, Trịnh A Tài, Trần Nghĩa chủ biên (1992), *Việt Nam Hán văn tiểu thuyết từng san* (tiếng Trung), Quyển 5, Tập II, Thư cục Học sinh Đài Loan.
10. Trương Đình Hòa, 1988, *Les Immortels Vietnamiens d'après le Hoi Chan Bien. Etudes et Traduction Française Annotée* (Collection de Textes et Documents sur l'Indochine, N° XVI), Ecole Française d'Extrême-Orient. [*Những đấng bất tử của Việt Nam theo cuốn Hội Chân Biên: nghiên cứu, phiên dịch và chú giải* (Bộ sưu tập về văn bản và tư liệu Đông Dương, cuốn 16), Trường Viễn Đông Bác Cổ].
11. Mai Hồng, Nguyễn Hữu Mùi (1986), “Tìm hiểu nghệ in của ta qua kho sách Hán Nôm”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 1.
12. Vương Thị Hương (2000), “Danh mục sách Hán Nôm in tại đền Ngọc Sơn - Hà Nội”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 1.
13. Nguyễn Văn Huyền (1996), *Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam*, Tập II, Nxb. Khoa học xã hội.
14. Phạm Kế (1996), *Tứ Bất Tử*, Nxb. Lao động.
15. Trần Tri Khách, *Khởi nguyên Phật giáo Việt Nam*, <http://www.quangduc.com/vietnam/54khoinguyenpgvn.html>
16. Vũ Ngọc Khánh, Phạm Văn Ty chủ biên (1990), *Văn Cát thần nữ*, Nxb. Văn hóa Dân tộc.
17. Vũ Ngọc Khánh, Ngô Đức Thịnh (1990), *Tứ Bất Tử (Bốn vị thánh bất tử)*, Nxb. Văn hóa Dân tộc.
18. Vũ Ngọc Khánh (1994), *Tín ngưỡng làng xã*, Nxb. Văn hóa Dân tộc.
19. Vũ Ngọc Khánh (1995), *Từ vựng thuật ngữ Folklore Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Thông tin.
20. Lưu Xuân Ngân, Vương Tiểu Thuần, Trần Nghĩa chủ biên (2002), *Việt Nam Hán Nôm văn hiến mục lục đề yếu* (tiếng Trung), Sở Nghiên cứu Văn Triết, Viện Nghiên cứu Trung ương Trung Quốc ấn hành.
21. Trần Nghĩa, Francois Gros đồng chủ biên (1993), *Di sản Hán Nôm Việt Nam thư mục đề yếu*, Nxb. Khoa học xã hội.
22. Trần Ích Nguyên (2006), “Khảo sát văn bản Hán Nôm về công chúa Liễu Hạnh - vị nữ thần của Việt Nam” (tiếng Trung), trong *Học báo Văn học Trung Quốc*, Đại học Thành Công, kỳ 15.
23. Trần Ích Nguyên (2007), *Nghiên cứu tiểu thuyết Hán văn của Trung Quốc và Việt Nam* (tiếng Trung), Nxb. Văn hóa Đông Á.
24. Lữ Huy Nguyên tuyển chọn (2002), *Tuyển tập Nguyễn Tuân I*, Nxb. Văn học.
25. Trần Nghĩa (1999), “Ảnh hưởng của Đạo giáo đối với tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 4.
26. Đỗ Lan Phương (1998), *Việc phụng thờ Chử Đồng Tử ở Chử Xá (xã Văn Đức, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội)*, Luận văn Thạc sĩ Văn hóa Dân gian, tài liệu lưu trữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Văn hóa.
27. Đỗ Lan Phương, “Chử Đạo Tổ”, trong Ngô Đức Thịnh chủ biên (2001), *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội.
28. Đỗ Lan Phương (2004), “Sự vận động của hiện tượng thờ Chử Đồng Tử qua phân tích hệ thống truyền thuyết”, *Tạp chí Văn hóa Dân gian*, số 1.

29. Nguyễn Thị Hoàng Quý (1999), “Việt Nam Hán văn tiểu thuyết từng san một công trình hợp tác khoa học quốc tế có giá trị”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 3.
30. Nguyễn Minh San (1994), *Tiếp cận tín ngưỡng dân dã Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Dân tộc.
31. Sharipov Alisher Shavkatovich (2001), *Thần thánh hóa những yếu tố nữ tính trong tôn giáo dân gian Việt Nam* (tiếng Nga), Tóm tắt Luận án Phó Tiến sĩ, Khoa Triết học, Đại học Quốc lập St. Petersburg, <http://orient-kafedra.narod.ru/sharipov.html>
32. Hà Văn Tấn (1995), “Nhà bác học Nguyễn Văn Huyền với văn hóa Việt Nam”, *Lời giới thiệu sách Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam* (Nguyễn Văn Huyền, 2 tập, Nxb Khoa học xã hội, 1995 và 1996).
33. Hà Văn Tấn (2005), *Đến với lịch sử văn hóa Việt Nam*, Nxb. Hội Nhà văn.
34. Bùi Thiết (1994), “Tứ Bất Tử của đất Việt là những ai”, *Đại đoàn kết (Chuyên đề cuối tháng - Người cao tuổi)*, số 17, từ ngày 20/11 đến ngày 20/12/1994.
35. Ngô Đức Thịnh chủ biên (2001), *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội.
36. Ngô Đức Thịnh chủ biên (2002), *Đạo Mẫu ở Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Thông tin.
37. Ngô Đức Thịnh (2007), *Về tín ngưỡng và lễ hội cổ truyền*, Viện Văn hóa - Nxb. Trẻ.
38. Ngô Đức Thịnh (2008), *Lên đồng: Hành trình của thần linh và thân phận*, Viện Văn hóa - Nxb. Văn hóa Thông tin.
39. Vương Tiểu Thuần (Đình Văn Minh dịch, 2000), “Tiểu thuyết và truyện thơ cổ Việt Nam”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 3.
40. Nguyễn Đăng Thục (1964), *Tư tưởng Việt Nam*, Nhà sách Khai Trí.
41. Tạ Chí Đại Trường (2006), *Thần, Người và Đất Việt*, Nxb. Văn hóa - Thông tin.
42. *Từ điển Pháp - Việt*, <http://vdict.com/mortel,5,0,0.html>
43. Viện Nghiên cứu Văn hóa Dân gian (1989), *Văn hóa dân gian: Những lĩnh vực nghiên cứu*, Nxb. Khoa học xã hội.

Abstract

A MISTAKE INVOLVED WITH “FOUR IMMORTALS”: THE AUTHOR THANH HÒA TỬ AND HIS BOOK *HỘI CHÂN BIÊN* (Part one)

From comparing documents relating to “four immortals” who have been worshipped in folk belief of Vietnamese, especially book “*Hội Chân Biên*” written in Chinese and published in the mid of the 19th century and some books written in French and in Vietnamese later, the author of this article finds that scholars in general and branch of folk culture research in particular have made a mistake about “Four Immortals” in their relation with book “*Hội Chân Biên*”.

Key words: Four Immortals, Hội Chân Biên, Thanh Hòa Tử.